TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 14/2025/HS-ST
Ngày: 04- 3 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thanh Xuân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang

2. Bà Đoàn Thị Duyên

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/HSST ngày 17/01/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST ngày 17/02/2025 đối với:

1. **Bị cáo *Lê Văn Q***, sinh ngày 06/8/1998 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V và con bà Lê Thị Minh L; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2017 đến 01/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Bị cáo Lê Thành Đ**, sinh ngày 06/3/1992 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và con bà Đồng Thị H; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Bị cáo Lê Văn M**, sinh ngày 02/10/1998 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B và con bà Đặng Thị T; Vợ: chị Nguyễn Thị Quế A, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Bị cáo Phạm Văn T**, sinh ngày 09/4/1994 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn I và con bà Lê Thị L; Vợ: chị Bùi Thị Lan A, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2013 đến 07/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Bị cáo Lê Thanh T1**, sinh ngày 26/9/1993 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V và con bà Lê Thị N; Vợ: chị Lê Thị T, có 02, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2013 đến tháng 7/2014. Tham gia Đoàn Thanh niên cộng sản HCM xã L huyện Kiến Xương, ngày 11/8/2015 là Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí M đến ngày 05/01/2023 thì miễn chức vụ Phó Bí thư Đoàn xã L.

Ngày 19/5/2014 được Kết nạp Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn P thuộc Đảng bộ xã L huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình. Ngày 19/02/2025, Ủy ban kiểm tra huyện ủy Kiến Xương Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 98/-QĐ/UBKTHU ngày 19/02/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Người làm chứng:

6.1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1962, vắng mặt

6.2. Ông Lê Văn Rặc, sinh năm 1953, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

6.3. Anh Bùi Minh T3, sinh năm 1995, nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, vắng mặt

6.4. Anh Hà Văn G, sinh năm 1974, nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

6.5. Anh Phan Thanh N sinh năm 1980, nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

6.6. Anh Lê Ngọc T2, sinh năm 1994, nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/10/2024, các bị cáo Q, T1, M, Đ và T cùng ngồi ăn cơm tại đám cưới nhà ông B ở thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trong lúc ngồi ăn cơm, bị cáo Q nói "*có chỗ mua pháo, 700.000 đồng, có mua không*" thì cả nhóm đồng ý và rủ nhau góp chung tiền mua 02 dây pháo nổ về đốt tại khu vực đám cưới nhà ông B. Cả nhóm thống nhất sau khi mua được pháo thì để bị cáo Q là người đốt pháo. Được cả nhóm đồng ý, bị cáo Q đi ra ngoài gọi điện thoại cho anh G hỏi mua 02 dây pháo nổ thì anh G hẹn đến tối sẽ báo lại, bị cáo Q tắt máy rồi quay lại tiếp tục ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, cả nhóm góp tiền đưa cho bị cáo Q, cụ thể: bị cáo Q góp 400.000 đồng, bị cáo M góp 300.000 đồng; bị cáo Đ, bị cáoT1 mỗi người góp 250.000 đồng, bị cáoT góp 200.000 đồng. Bị cáo Q nhận tiền của mọi người xong thì đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh G gọi điện thoại cho bị cáo Q thông báo đã có pháo và hẹn bị cáo Q ra khu vực đường ngõ thôn P để lấy pháo. Bị cáo Q đồng ý và đi bộ từ rạp đám cưới ra khu vực đã hẹn với anh G. Tại đây, anh G đưa cho bị cáo Q một túi nilon màu đen, bên trong có 02 dây pháo nổ, mỗi dây dài khoảng 01 mét, có nhiều quả pháo nổ được nối liên tiếp nhau, vỏ bên ngoài các quả pháo đều được cuốn bằng giấy màu đỏ. Do không có tiền lẻ nên bị cáo Q đưa cho anh G 1.500.000 đồng. Sau khi mua được pháo, bị cáo Q mang vào giấu ở khu vực chuồng gà nhà ông B rồi đi vào đám cưới chơi. Bị cáo Q nói với các bị cáo Đ,T, M,T1 đã mua được pháo thì cả nhóm không ai nói gì. Đến khoảng 13 giờ ngày 13/10/2024, khi đám cưới tổ chức xong nghi lễ đón dâu thì bị cáo Q lấy 02 dây pháo nổ ra treo ở vị trí mi cửa sổ bên phải phía Nam hội trường câu lạc bộ người cao tuổi thôn P, tiếp giáp với đường ngõ thôn P, khu vực gần rạp đám cưới nhà

ông B rồi dùng bật lửa gas châm vào ngòi pháo để đốt 02 tràng pháo nổ gây mất trật tự công cộng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Q phát hiện, thu giữ: 01 (một) túi nilon màu xám kích thước (37x22cm*)* một đầu túi kín, một đầu có nẹp cài nhựa viền màu đỏ, bên ngoài dán băng dính màu vàng có dòng chữ "HÀNG DỄ VỠ XIN NHẸ TAY", bên trong là chất bột màu xám; 01(một) cuộn dây màu xanh đường kính 0,2cm, chiều dài 10m. Bị cáo Q khai nhận toàn bộ tang vật thu giữ trên là thuốc pháo nổ bị cáo Q mua của anh T, mục đích để chế tạo pháo nổ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của anh T phát hiện, thu giữ 01 (một) nửa hình cầu có đường kính 07cm bằng giấy cứng màu vàng, gắn với một khối hình nón cụt bằng giấy màu vàng, một đầu có đường kính 3,5cm, một đầu có đường kính 07cm, giữa hai phần được dính với nhau bằng băng dính màu trắng. Vật trên được nối với nhau bằng đoạn dây màu trắng, xanh đen dài 54cm, bản rộng 1,5cm, đầu còn lại của đoạn dây được nối với đoạn dây màu xanh dài 14,5cm. Anh T khai nhận là pháo nổ, mục đích để bán kiếm lời.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của anh G, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Làm việc với anh G về nguồn gốc 02 dây pháo đã bán cho bị cáo Q, anh G khai mua của anh N, trú tại thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của anh N phát hiện, thu giữ 75 (bảy mươi lăm) đoạn dây được cuộn bằng túi nilon màu trắng, chiều dài mỗi đoạn là 30cm, đường kính 0,5cm bên trong chứa chất bột màu đen và 12 (mười hai) đoạn dây được cuộn bằng túi nilon màu trắng, chiều dài mỗi đoạn là 65cm đường kính 0,2cm, bên trong chứa chất bột màu đen; 24 (hai mươi tư) cuộn giấy hình trụ tròn đặc điểm giống nhau đều có kích thước (5,3x2,5)cm, màu đỏ, cả 02 đầu mỗi cuộn giấy đều được bịt kín, một đầu được gắn với một đoạn dây màu trắng dài 6,5cm; 02 (hai) túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu xám. Anh N khai nhận toàn bộ tang vật thu giữ trên anh N mua trên mạng xã hội, mục đích để chế tạo pháo nổ bán kiếm lời.

- Ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương đã ra quyết định trưng cầu giám định Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định đối với các mẫu vật thu giữ, quản lý của Phan Thanh N, Lê Văn Q, Bùi Minh T3. Tại Bản kết luận số 8107/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"-24 (hai mươi tư) cuộn giấy hình trụ tròn màu đỏ và vật gồm một nửa hình cầu bằng giấy cứng màu vàng, gắn với một khối hình trụ nón cụt bằng giấy màu vàng đều là pháo nổ. Khối lượng pháo nổ của 24 (hai mươi tư) cuộn giấy hình trụ tròn màu đỏ là 0,38kg (không phẩy ba mươi tám kilôgam), khối lượng pháo nổ của vật hình cầu bằng giấy cứng màu vàng gắn với một hình khối trụ

tròn nón cụt bằng giấy màu vàng là 0,17kg (Không phẩy mười bảy kilôgam).

- Chất bột màu xám thu giữ và niêm phong khi khám xét chỗ ở của Lê Văn Q và Phan Thanh N đều là thuốc pháo nổ. Khối lượng thuốc pháo nổ (chất bột màu xám) của Lê Văn Q là 1,6kg (một phẩy sáu kilogam), khối lượng thuốc pháo nổ (chất bột màu xám) của Phan Thanh N là 1,94kg (một phẩy chín mươi bốn kilôgam). Thuốc pháo nổ không phải vật liệu nổ.

- Các đoạn dây được cuốn bằng túi ni lông màu trắng, bên trong chứa chất bột màu đen và cuộn dây màu xanh đều là dây ngòi pháo. Khối lượng dây ngòi pháo thu giữ tại nhà Lê Văn Q là 0,06kg (không phẩy không sáu kilôgam), khối lượng dây ngòi pháo thu giữ tại nhà Phan Thanh N là 0,52kg (không phẩy năm mươi hai kilogam). Dây ngòi pháo không phải là vật liệu nổ."

- Ngày 22/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương tiến hành trưng cầu giám định các mảnh giấy màu đỏ, màu trắng thu tại hiệnT vụ đốt pháo nổ tại thôn P, xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Tại bản kết luận giám định số 1598/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *"Không xác định được mẫu vật gửi giám định có phải vỏ của loại pháo nổ hay không."*

- Ngày 24/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương tiến hành trưng cầu giám định bổ sung đối với các mảnh giấy màu đỏ, màu trắng thu tại hiện trường vụ đốt pháo nổ tại thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 8236/KL-KTHS ngày 24/10/2024 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: "*Các mẫu vật gửi đến giám định đều là mảnh vỏ của quả pháo nổ đã qua sử dụng."*

Vật chứng của vụ án:

- 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số 0967.955.622 của bị cáo Q chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương quản lý theo thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số 08/CT-VKSKX ngày 17/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thanh T1, Lê Thành Đ và Phạm Văn T về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thanh T1, Lê Thành Đ và Phạm Văn T về tội "Gây rối trật tự công cộng"

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn Q mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn M mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thành Đ mức án từ 06 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập từ 250.000 đến 300.000đồng/tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 10 đến 15 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng và 01 sim số 0967.955.622 thu giữ của bị cáo Q.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng (bà Lê Thị P, sinh năm 1962 và ông Lê Văn R, sinh năm 1953, đều có cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình); Báo cáo vụ việc của Công an xã L; Báo cáo của Trưởng thôn P, xã L; biên bản làm việc với đại diện UBND xã L và đại diện chính quyền thôn P, xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiệnT do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập ngày 14/10/2024; Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an xã L và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập cùng ngày 14/10/2024 tại hộiT thôn P, xã L và tại chỗ ở của Lê Văn Q, Phan Thanh N, Bùi Minh T3; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập ngày 15/10/2024 tại Công an huyện Kiến Xương; Bản kết luận giám định số 1598/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và Kết luận giám định bổ sung số 8236/KL-KTHS ngày 24/10/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Bản kết luận số 8107/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 13 giờ ngày 12/10/2024, trong lúc ngồi ăn cơm tại đám cưới nhà ông Lê Văn B, bị cáo Lê Văn Q rủ các bị cáo Lê Thành Đ, Lê Thanh T1, Lê Văn M, Phạm Văn T mua pháo nổ về đốt tại đám cưới thì cả nhóm đồng ý và bàn nhau góp tiền mua 02 dây pháo nổ về để bị cáo Q đốt. Sau khi thống nhất với nhau thì bị cáo M góp 300.000 đồng; các bị cáo Đ, T1 mỗi người góp 250.000 đồng, bị cáo T góp 200.000 đồng, bị cáo Q góp 500.000 đồng. Bị cáo Q gọi điện thoại cho anh Hà Văn G hỏi và mua được 02 dây pháo nổ với giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ ngày 13/10/2024, sau khi gia đình ông B tổ chức xong nghi lễ đón dâu thì bị cáo Q lấy 02 dây pháo nổ ra treo ở vị trí mi cửa sổ bên phải phía Nam hội trường câu lạc bộ người cao tuổi thôn P, tiếp giáp với đường ngõ thôn P, khu vực gần rạp đám cưới nhà ông B rồi dùng bật lửa gas châm vào ngòi pháo để đốt nổ hết 02 tràng pháo trên. Hành vi của bị cáo Lê Văn Q và đồng phạm đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thành Đ, Lê Thanh T1 và Phạm Văn T phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

....

[4] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự , nhận thức được hành vi đốt pháo tại nơi công cộng là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quy tắc, trật tự công cộng do Nhà nước quy định, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ việc, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân , ảnh hưởng đến tình hình an ninh , an toàn xã hội tại địa phương , đe dọa xâm phạm đến quyền và lợi ích của các cá nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm M đối với các bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Các bị cáo phạm tội là do thiếu ý thức rèn luyện, ham vui nhất thời nên đã cùng nhau bàn bạc và cùng nhau thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cùng rủ nhau góp tiền mua pháo nổ về đốt. Bị cáo Q là người rủ các bị cáo khác góp tiền mua pháo nổ về đốt tại đám cưới, là người góp số tiền nhiều nhất, trực tiếp liên hệ, mua và đốt 02 dây pháo nên giữ vai trò thứ nhất và phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo M và Đ cùng cùng giữ vai trò thứ hai, các bị cáo T1 và T giữ vai trò cuối cùng trong vụ án. Tuy nhiên tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo khác nhau do đó cần đánh giá để cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộcT hợp ít nghiêm trọng - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự**.** Các bị cáo Lê Văn Q, Phạm Văn T, Lê Thanh T1 đã có thời gian tham gia nghĩa vụ Q sự, do đó được

hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài hành vi phạm tội lần này thì các bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bị cáoT1 đã 02 lần được Trung đoàn bộ binh 42 và Ban chấp hành đảng bộ xã L huyện Kiến Xương tặng Giấy khen. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 35, Điều 36, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay và cần khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo T.

[7]. Đối với hành vi tàng trữ 1,6kg (một phẩy sáu kilogam) thuốc pháo nổ và 0,06kg (không phẩy không sáu kilôgam) dây ngòi pháo của bị cáo Q. Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cùng tang vật để UBND huyện Kiến Xương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng đối với bị cáo Q là phù hợp.

[8] Đối với anh T3 có hành vi sản xuất pháo nổ có khối lượng 0,17kg (không phẩy mươi bảy kilôgam); bán 1,6kg (một phẩy sáu kilogam) thuốc pháo nổ và dây ngòi pháo cho bị cáo Q. Khối lượng pháo nổ không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cùng tang vật để UBND huyện Kiến Xương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 10.500.000 đồng đối với anh T3 là phù hợp.

[9] Đối với anh G có hành vi bán 02 dây pháo nổ cho bị cáo Q. Ngày 13/10/2024, bị cáo Q đã đốt hết 02 dây pháo nổ trên, do đó không có căn cứ xác định khối lượng của 02 dây pháo nổ anh G đã bán cho bị cáo Q. Mặt khác anh G không bàn bạc, không biết bị cáo Q mua pháo nổ về để đốt ở khu vực đám cưới, do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh G về hành vi buôn bán pháo nổ và Gây rối trật tự công cộng. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm để UBND huyện ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng đối với anh G về hành vi buôn bán pháo nổ là phù hợp.

[10] Đối với anh N có hành vi bán 02 dây pháo nổ cho anh G, sau đó anh G bán lại cho bị cáo Q. Ngày 13/10/2024, bị cáo Q đã đốt hết 02 dây pháo nổ trên, do đó không có căn cứ xác định khối lượng của 02 dây pháo nổ anh N đã bán. Mặt khác anh N không bàn bạc, không biết mục đích anh G mua pháo nổ để làm gì, do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh N về hành vi buôn bán pháo nổ và Gây rối trật tự công cộng. Đối với hành vi tàng trữ

1,94kg (một phẩy chín mươi bốn kilôgam) thuốc pháo nổ và dây ngòi pháo; sản xuất 24 quả pháo nổ có khối lượng 0,38kg (không phẩy ba mươi tám kilôgam) của anh N. Khối lượng pháo nổ không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm, Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cùng tang vật để UBND huyện Kiến Xương ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 20.000.000 đồng đối với anh N là phù hợp.

[11] Đối với anh T2 là người giới thiệu, liên hệ với anh T3 để mua hộ 1,6kg (một phẩy sáu kilôgam) thuốc pháo cho bị cáo Q để bị cáo Q sản xuất pháo nổ. Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm để UBND huyện Kiến Xương ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng đối với anh T3 là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng:

- 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội và 01 sim số 0967.955.622 không có giá trị, không sử dụng được vì vậy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thanh T, Lê Thành Đ và Phạm Văn T phạm tội " Gây rối trật tự công cộng".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/3/2025.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/3/2025.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Lê Thành Đ 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/3/2025.

Giao các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thành Đ cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập 300.000 đồng/tháng để nộp ngân sách nhà nước trong thời gian chấp hành án. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không gian giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 10.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

6. Về xử lý vật chứng:

6.1 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus đã cũ, số IMEL: 356710083127906

6.2. Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu đỏ (đã cũ) và 01 sim số 0967.955.622.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương).

7. Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn M, Lê Thanh T, Lê Thành Đ và Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:
- VKSND huyện KX;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện KX;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Vp.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân